TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-3-2019
V/v tranh chấp HNGĐ về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoài Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Rẻn.

2. Bà Dương Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An – Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 351/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm: 1992. Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hoài N, sinh năm: 1991. Khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07-12-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Chị và anh N tự tìm hiểu rồi về sống chung với nhau vào năm 2009, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N thường xuyên uống rượu, sử dụng ma túy, tụ tập

bạn bè ăn chơi, không lo làm ăn. Anh N đã nhiều lần thế chấp xe máy của chị N để lấy tiền mua ma túy sử dụng, có lần anh N lên cơn nghiện đã đe dọa, đánh đập chị, yêu cầu chị phải đưa tiền cho anh N. Chị và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Năm 2014 chị đã nộp đơn xin ly hôn nhưng anh N năn nỉ, hàn gắn đoàn tụ nên chị đã rút đơn về, nhưng khi về chung sống thì anh N lại tiếp tục sử dụng ma túy. Năm 2015 anh N bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị Tòa án kết án 9 năm tù, hiện đang chấp hành án tại Trại giam Cây Cầy II. Vợ chồng ly thân nhiều lần, lần gần nhất từ tháng 6-2018 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh N.

Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày XXX. Hiện tại cháu Q đang sống với chị nhưng do chị đi làm xa nên gửi cho ông bà nội của cháu Q trông nom hộ, hàng tháng chị về thăm con. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Hoài N đã khai:

Về cơ sở hôn nhân, thời gian chung sống như chị N trình bày là đúng. Anh và chị N sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày, anh sử dụng ma túy, không quan tâm gia đình, không lo làm ăn, thu nhập chính trong gia đình là do chị N và cha mẹ anh. Sau khi anh sử dụng ma túy, anh đe dọa, chửi mắn chị N. Gia đình và chị N cũng đã khuyên ngăn nhiều lần, nhưng anh không từ bỏ được nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng ly thân từ tháng 6-2018 đến nay, hiện tại anh đang chấp hành án tại trại giam Cây Cầy II, anh không muốn ly hôn với chị N, anh yêu cầu được hàn gắn, đoàn tụ với chị N, nhưng nếu chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị N. Anh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh thống nhất với lời trình bày của chị N. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày XXX cho chị N nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối

với bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh N là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh N.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày XXX cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị N và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Nguyễn Hoài N có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh N kết hôn vào năm 2009, đến năm 2010 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị N và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc, do anh N không lo làm ăn, không lo kinh tế cho gia đình, anh N thường xuyên sử dụng ma túy, tụ tập bạn bè uống rượu, nhiều lần anh N đã thế chấp xe máy của chị N để có tiền sử dụng ma túy. Sau khi sử dụng ma túy anh N còn chửi mắn, đe dọa, đánh đập chị N. Chị N và gia đình đã khuyên ngăn và cho cơ hội để anh N sửa chữa nhiều lần nhưng anh N không từ bỏ. Hiện tại anh N đang chấp hành án tại trại giam Cây Cầy II về tội mua bán trái phép chất ma túy. Chị N và anh N đã ly thân từ tháng 6-2018 đến nay. Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh N sinh sống, cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị N và anh N ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn và không có biện pháp khắc phục. Do đó, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh N đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh N là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh N có một con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày XXX. Xét thấy, từ ngày anh N đi chấp hành án đến nay, cháu Q được chị N và ông bà nội nuôi dưỡng, giáo dục một thời gian dài nên đã ổn định và đảm bảo về điều kiện vật chất, tinh thần, sự phát triển về tâm lý. Mặt khác cháu Q cũng có nguyện vọng sống với chị N, nên giao cháu Q cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, ghi nhận chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom con chung theo qui định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị N đối với anh Nguyễn Hoài N. Chị N được ly hôn với anh N.

2.Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Như Q, sinh ngày XXX cho chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N và anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4.Về án phí: Chị Trần Thị N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021725 ngày 07-12-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Hoài N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: chị Trần Thị N có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Hoài N có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi anh N cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND thị trấn Bến Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoài Tâm